

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2025

"Về việc: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Đình Hiền

2. Bà Đoàn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện KB, tỉnh Hà Nam

Bị đơn: Anh Đồng Xuân Th1, sinh năm 1981 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn P, xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đồng Thị Thúy H, sinh ngày 16/6/2009 "Vắng mặt"

- Cháu Đồng Thành C, sinh ngày 09/9/2017 "Vắng mặt"

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H, cháu C: Chị Nguyễn Thị Th, Anh Đồng Xuân Th1 - Bố mẹ đẻ các cháu.

Người làm chứng:

- Cháu Đồng Thành Đ, sinh ngày 01/01/2007 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn P, xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1954 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với Anh Đồng Xuân Th1 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng ba tháng, sau đó tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với gia đình chồng, đồng thời chị cũng chuyển hộ khẩu thường trú về gia đình chồng tại Thôn P, xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Th1 ham chơi lô đề, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần phân tích khuyên giải cho anh Th1, mong anh từ bỏ chơi lô đề, cờ bạc, vợ chồng tập chung làm ăn kinh tế để nuôi dạy các con cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Th1 không nghe mà còn đánh đập chị nhiều hơn, có lần bị anh Th1 đánh chị phải đi điều trị tại bệnh viện. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng thương các con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng chung sống với anh Th1. Đến tháng 11/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị không chịu đựng được nữa nên đã đưa cháu H và cháu C về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Còn cháu lớn là Đạt ở với anh Th1. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh Th1 có vài lần đến tìm chị về nhưng chị thấy không còn tình cảm với anh Th1 nữa, nếu tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên chị không về, từ đó chị và anh Th1 không còn liên lạc và không quan tâm gì đến nhau, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th1 không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1 để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Đồng Thành Đ, sinh ngày 01/01/2007, Đồng Thị Thúy H, sinh ngày 16/6/2009 và Đồng Thành C, sinh ngày 09/9/2017. Hiện cháu H và cháu C đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H và cháu C, chị không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Đối với Cháu Đồng Thành Đ nay đã đủ 18 tuổi nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng cấy: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh Đồng Xuân Th1 không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà nhưng do anh Th1 đi làm không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai của anh Th1 được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cháu Đồng Thị Thúy H trình bày:

Cháu là con của bố Đồng Xuân Th1 và mẹ Nguyễn Thị Th. Bố mẹ cháu sinh được ba anh em, cháu là con thứ hai. Cháu đang học lớp 10 trường THPT B, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Cháu đã lớn nên biết được nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố và mẹ là do bố chơi bời rượu chè, cờ bạc về nhà gây chuyện chửi bới đánh đập mẹ, có lần mẹ phải đi bệnh viện điều trị. Đến năm 2020 mẹ cháu không chịu đựng được nữa nên đã đưa cháu và em C về nhà ông bà ngoại ở từ đó cho đến nay, còn anh Đ ở với bố cháu. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ vì mẹ cháu quan tâm chăm sóc chị em cháu tốt hơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đồng Thành C trình bày:

Cháu là con của bố Đồng Xuân Th1 và mẹ Nguyễn Thị Th. Cháu đang học lớp 2 trường tiểu học xã L, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ cháu.

Quá trình giải quyết do anh Th1 không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 17/3/2025 bị đơn Anh Đồng Xuân Th1 vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Anh Đồng Xuân Th1 vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Th xử cho Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với Anh Đồng Xuân Th1.

+ Về con chung: Giao Cháu Đồng Thị Thúy H và cháu Đồng Thành C cho Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Th1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị Th. Đối với Cháu Đồng Thành Đ nay đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Đồng Xuân Th1 có địa chỉ: Thôn P, xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Phiên tòa ngày 28/3/2025 nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Anh Đồng Xuân Th1 vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh Th1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và Anh Đồng Xuân Th1 kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06/11/2005, theo giấy chứng nhận kết hôn 25, quyền số 01/2005. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th: Theo chị Th thì vợ chồng chị sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th1 ham chơi bởi lô đề, cờ bạc, không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh đập chị.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị Th, anh Th1 được Cháu Đồng Thành Đ là con chị Th, anh Th1 cung cấp:

Bố mẹ cháu mâu thuẫn với nhau từ nhiều năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bố cháu ham chơi bởi cờ bạc, lô đề về nhà gây chuyện chửi bới đánh đập mẹ cháu. Mẹ cháu muốn ba anh em cháu được học hành đến nơi đến chốn nên mẹ cháu cố gắng chịu đựng chung sống với bố cháu để lo cho anh em cháu. Khoảng 5 năm trở lại đây bố mẹ cháu mâu thuẫn trầm trọng, bố đánh đập mẹ nhiều lần, có lần mẹ cháu phải đi bệnh viện điều trị, bố cháu không quan tâm chăm lo gì cho mẹ. Đến tháng 11/2020 mẹ cháu không chịu đựng được nữa nên đã đưa hai em cháu là H và C về quê ở với ông bà ngoại, bố mẹ cháu cũng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Còn cháu khi đó đang học cấp 2 nên cháu ở với bố và bà nội để thuận tiện cho việc học tập của cháu học hết cấp 3. Từ khi mẹ cháu về quê ngoại ở, bố nuôi cháu ăn học còn mẹ nuôi hai em, thỉnh thoảng mẹ cháu có cho cháu tiền học thêm và mua sắm quần áo, đồ dùng học tập cho cháu. Cuối năm 2021 bố cháu đi làm ăn xa, cháu ở nhà với bà nội. Đầu năm 2022 bà nội chết cháu ở một mình, bố cháu thỉnh thoảng mới về nhà nhưng bố thường xuyên liên lạc với cháu qua điện thoại và gửi tiền cho cháu bằng hình thức chuyển khoản. Mỗi tháng bố cháu chuyển tiền cho cháu 2-3 lần, mỗi lần 500.000 đồng để cháu ăn học. Từ khi mẹ cháu làm đơn xin ly hôn thì bố cháu ít về hơn trước. Bố cháu có nói với cháu là do công việc bận nên không về được, mẹ làm đơn ly hôn thì để Tòa án giải quyết theo đơn của mẹ, bố cháu không có ý kiến gì và không về. Cháu hiện tại đã đủ 18 tuổi, cháu không yêu cầu bố mẹ cháu phải cấp dưỡng nuôi cháu.

Người làm chứng Bà Nguyễn Thị Ch - Mẹ đẻ chị Th cung cấp: Vợ chồng chị Th sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th1 ham chơi lô đề, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên chửi bới đánh đập chị Th. Chị Th sinh ra chán nản đã nhiều lần về gia đình bà ở, mỗi lần khoảng nửa tháng nhưng vì các con còn nhỏ nên chị Th lại quay về chung sống với anh Th1. Bà thường xuyên liên lạc nhắc nhở bảo ban vợ chồng anh chị phải thương yêu nhau, tập chung làm ăn kinh tế vun vén xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Th1 không cải sửa tính nết vẫn tiếp tục chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, có lần anh Th1 đánh chị Th phải đi bệnh viện điều trị, bà và gia đình phải đi chăm sóc chị Th. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng, chị Th không chịu đựng được nữa nên đã đưa hai cháu H và C về gia đình bà ở từ đó cho đến nay, còn Đ ở với anh Th1. Thời gian đầu anh Th1 có hai ba lần đến tìm vợ con về nhưng chị Th xét thấy không còn tình cảm nên không về, sau đó anh Th1 không sang tìm chị Th và các con nữa. Nay chị Th xin ly hôn anh Th1, quan điểm của bà xét thấy anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu không còn tình cảm với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn anh Th1.

Qua xác minh, UBND xã LX cung cấp: Chị Nguyễn Thị Th và Anh Đồng Xuân Th1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã LX, huyện TL vào ngày 06/11/2005, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 năm 2005. Theo địa phương được biết chị Th, anh Th1 mâu thuẫn với nhau đã lâu, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về lối sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Th đã đưa hai con nhỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở, còn cháu lớn ở với anh Th1. Thời gian gần đây anh Th1 đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà.

Từ những căn cứ trên xác định sau khi kết hôn vợ chồng chị Th, anh Th1 chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về lối sống, anh Th1 ham chơi cờ lô đề, cờ bạc không chăm lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên chửi bới đánh đập chị Th. Nhiều lần sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị Th đã về ở cùng bố mẹ đẻ chị Th nhưng được bố mẹ phân tích và nghĩ đến các con còn nhỏ nên chị Th về chung sống cùng anh Th1. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chị Th không được cải thiện, vợ chồng vẫn thường xảy ra mâu thuẫn nên chị Th đã sống ly thân với anh Th1 từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh Th1 có vài lần đến tìm nhưng chị Th không về, tuy nhiên anh Th1 cũng không có biện pháp gì tiếp theo để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác nhiều lần anh Th1 không có mặt theo giấy triệu tập và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Điều này thể hiện anh Th1 không thực sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Th, anh Th1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc chị Th xin ly hôn anh Th1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh Th1 có ba con chung là Đồng Thành Đ, sinh ngày 01/01/2007, Đồng Thị Thúy H, sinh ngày 16/6/2009 và Đồng Thành C, sinh ngày 09/9/2017.

Đối với Cháu Đồng Thành Đ chị Th không yêu cầu giải quyết do cháu đã đủ 18 tuổi, bản thân cháu Đ cũng không yêu cầu bố mẹ phải cấp dưỡng nuôi cháu nên không xem xét giải quyết.

Đối với Cháu Đồng Thị Thúy H và Đồng Thành C, chị Th có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Do anh Th1 không đến Tòa án làm việc nên không xác định được nguyện vọng của anh Th1 về con chung. Xét về điều kiện nuôi dưỡng hai con chung của chị Th: Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng chị Th, chị Th là công nhân có thu nhập ổn định, ba mẹ con chị đang ở cùng bố mẹ đẻ chị Th và được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở, đồng thời hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các cháu. Các cháu H và C đều có nguyện vọng được ở với mẹ, phù hợp với nguyện vọng của chị Th nên sẽ giao hai cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh Th1 phải đóng góp tiền nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Th nên được ghi nhận. Do vậy anh Th1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Anh Th1 không trực tiếp nuôi con chung anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Nếu sau này anh Th1 có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công sức và không có nợ chung nên không đề nghị giải quyết. Do không lấy được lời khai của anh Th1 nên không rõ được quan điểm của anh Th1 về tài sản chung, công sức, nợ chung, do vậy không xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng. Nếu sau này anh Th1 có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn Anh Đồng Xuân Th1.

[2] Về con chung: Chị Th và anh Th1 có ba con chung là Đồng Thành Đ, sinh ngày 01/01/2007, Đồng Thị Thúy H, sinh ngày 16/6/2009 và Đồng Thành C, sinh ngày 09/9/2017.

Đối với Cháu Đồng Thành Đ đã đủ 18 tuổi, chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Giao Cháu Đồng Thị Thúy H và cháu Đồng Thành C cho Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Th1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đồng Xuân Th1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị Th và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Th1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001061 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Chị Th đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho chị Th, anh Th1 biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKS huyện TL;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã LX (Đăng ký số 25 ngày 06/11/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý